

BIỂU MẪU CÔNG KHAI

(Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG MẪU GIÁO MAI TÂM

Biểu mẫu 01

THÔNG BÁO

**Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non
Năm học 2024 – 2025**

STT	Nội dung	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	- Hoàn thành chương trình chăm sóc giáo dục theo chương trình giáo dục mầm non hiện hành. - 100% số trẻ đến trường được đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần; không để xảy ra dịch bệnh tại trường. - Giúp trẻ phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, thẩm mỹ, tình cảm- kỹ năng xã hội chuẩn bị cho trẻ 5 tuổi vào học ở trường tiểu học. - Khẩu phần dinh dưỡng đạt 50 – 55%/calo/ngày.
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	- Thực hiện theo: Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	1. Phát triển thể chất: - Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ. - Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế. - Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian. - Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay. - Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe. - Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân. 2. Phát triển Tình cảm xã hội: - Có ý thức về bản thân. - Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực. - Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ. - Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi. 3. Phát triển Nhận thức:

		- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định. - Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau. - Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu. - Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán. 4. Phát triển Ngôn ngữ: - Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày. - Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...). - Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày. - Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện. - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi. - Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết. 5. Phát triển Thẩm mỹ: - Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật. - Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình. - Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.
IV		- Trẻ tham gia các hoạt động lễ hội như vui Trung Thu, lễ hội Noel, Lễ hội mừng xuân, lễ hội giỗ tổ Hùng Vương... - Trẻ tham gia các lớp học ngoại khóa: Anh văn, Thể dục nhịp điệu, vẽ, Kỹ năng sống...

Thành phố Thủ Đức, ngày 25 tháng 8 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Bích Vân

THÔNG BÁO
Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế
Năm học 2024 – 2025

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ		Mẫu giáo		
			19-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	324	00	00	70	105	149
1	Số trẻ em nhóm ghép						
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày						
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	324	00	00	70	105	149
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	00	00	00	00	00	00
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	324	00	00	70	105	149
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	324	00	00	70	105	149
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	324	00	00	70	105	149
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em (Tháng 9/2023)						
1	Số trẻ cân nặng bình thường		00	00			
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	04	00	00	04	00	00
3	Số trẻ có chiều cao bình thường		00	00			
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	02	00	00	02	00	00
5	Số trẻ thừa cân béo phì	36	00	00	04	07	25
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	324	00	00	70	105	149
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	00	00	00			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	324	00	00	70	105	149

Thành phố Thủ Đức, ngày 01 tháng 9 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG


Nguyễn Thị Bích Vân

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non
Năm học 2024 – 2025

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	12	
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	12	
2	Phòng học bán kiên cố	00	
3	Phòng học tạm	00	
4	Phòng học nhờ	00	
III	Số điểm trường	02	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	2.254 m²	6.95m²/trẻ em
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	778 m²	2.4m²/trẻ em
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	64 m ²	
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	16 m ²	
4	Diện tích sân chơi (m ²)	42 m ²	
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	0	
6	Diện tích phòng Hoạt động âm nhạc (m ²)	64 m ²	
7	Diện tích phòng chơi Kidsmart (m ²)	0	
8	Diện tích phòng bảng tương tác (m ²)	00	
9	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	60 m ²	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	11	11 bộ/11 nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	11	11 bộ/11 nhóm (lớp)
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	24	12 bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	18	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Ti vi	00	1
2	Nhạc cụ (Đàn organ, ghi ta, trống)	2	1
3	Máy PHOTO COPY	01	
5	Catsset	00	
6	Thiết bị khác	12	
7	Bàn ghế đúng quy cách	380 bộ	
8	Camera an ninh	20 mắt	

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	12		36		0.6
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*) Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh.

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XIV	Kết nối internet	X	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	X	
XVI	Tường rào xây	X	
..			

Thành phố Thủ Đức, ngày 25 tháng 8 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Bích Vân

THÔNG BÁO
Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục mầm non
Năm học 2024 – 2025

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	32			8	16	2	6				
I	Giáo viên	21			6	13	2			10	11	
1	Nhà trẻ	00			00	00						
2	Mẫu giáo	21			6	13	2			10	11	
II	Cán bộ quản lý	03			01	02						
1	Hiệu trưởng	01			01							
2	Phó hiệu trưởng	02				02					2	
III	Nhân viên	08			01	01	00	06				
1	Nhân viên văn thư - kế toán	01						01				
2	Nhân viên y tế - Thủ quỹ	01			01							
3	Nhân viên khác	06				01	00	05				
..	..											

Thành phố Thủ Đức, ngày 25 tháng 8 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Bích Vân